

TRẮC NGHIỆM ĐỊA 12 BÀI 24 : VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

Câu 1. yếu tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành đánh bắt thủy sản ở nước ta

- A. Chế độ thủy văn
- B. Điều kiện khí hậu
- C. Địa hình đáy biển
- D. Nguồn lợi thủy sản

Câu 2. Một trong những ngư trường trọng điểm của nước ta?

- A. Cà Mau – Kiên Giang
- B. Hải Phòng- Nam Định
- C. Thái Bình – Thanh Hóa
- D. Quảng Ngãi – Bình Định

Câu 3. Ngư trường nào không được xác định là ngư trường trọng điểm?

- A. Cà Mau – Kiên Giang
- B. Thanh Hóa – Nghệ An
- C. Hải Phòng – Quảng Ninh
- D. Quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa

Câu 4. Ngư trường Cà Mau- Kiên Giang là một trong những ngư trường lớn nhất nước ta do khu vực này có

- A. Các dòng hải lưu, thềm lục địa nông, nhiều cửa sông và bãi triều
- B. Bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh, đầm phá
- C. Các dòng hải lưu, nhiều cửa sông lớn, biển sâu
- D. Bờ biển khúc khuỷu, hệ thống đảo ven bờ dày đặc

Câu 5. Ý nào dưới đây chưa đúng khi nói về điều kiện khai thác và nuôi trồng thủy sản hiện nay ở nước ta?

- A. Nhân dân ta có kinh nghiệm, truyền thống đánh bắt và nuôi trồng thủy sản
- B. Phương tiện tàu thuyền, ngư cụ vẫn còn lạc hậu, hạn chế đánh bắt xa bờ
- C. Các dịch vụ thủy sản ngày càng phát triển
- D. Chưa hình thành các cơ sở chế biến thủy sản

Câu 6. Vùng nuôi tôm lớn nhất của nước ta

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Bắc TRung Bộ

- C. Đồng bằng sông Cửu Long
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 7. Ý nào dưới đây là đúng khi nói về ngành thủy sản của nước ta hiện nay?

- A. Phương tiện tàu thuyền, ngư cụ còn lạc hậu, không được trang bị mới
- B. Các dịch vụ thủy sản ngày càng phát triển
- C. Chưa hình thành các cơ sở chế biến thủy sản
- D. Các mặt hàng thủy sản chưa được chất nhận ở thị trường Hoa Kỳ

Câu 8. Một trong những yếu tố gây khó khăn cho sự phát triển ngành thủy sản ở nước ta trong những năm qua là

- A. Sự phát triển của công nghiệp chế biến thủy sản
- B. Hệ thống các cảng cá chưa đủ đáp ứng nhu cầu
- C. Nhu cầu ngày càng tăng của thị trường tiêu thụ thủy sản trong nước
- D. Nhu cầu ngày càng tăng của thị trường quốc tế

Câu 9. Một trong những yếu tố thúc đẩy sự phát triển của ngành thủy sản ở nước ta trong những năm qua là:

- A. Các hiện tượng cực đoan của thời tiết, khí hậu
- B. Hệ thống các cảng cá chưa đáp ứng được nhu cầu
- C. Diễn biến về chất lượng môi trường ở một số vùng biển
- D. Nhu cầu đa dạng của thị trường trong nước và quốc tế

Câu 10. Sự cố nào dưới đây ảnh hưởng nghiêm trọng nhất ngành nuôi trồng và đánh bắt hải sản nước ta?

- A. Con bão số 2 tháng 8/2016
- B. Xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long tăng cao năm 2015- 2016
- C. Con bão số 5 tháng 9/2016
- D. Công ty Formosa Hà Tĩnh xả thải trái phép ra biển tháng 4/2016

Câu 11. Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước chủ yếu là do

- A. Điều kiện khí hậu ổn định
- B. Nhiều ngư trường trọng điểm
- C. Nhiều bãi triều, diện tích mặt nước lớn
- D. Vùng biển rộng, thêm lục địa nông

Câu 12. Hoạt động nào sau đây thuộc về lâm nghiệp

- A. Mở rộng diện tích trồng chè
- B. Vận chuyển gỗ đã qua chế biến
- C. Xuất khẩu đồ gỗ mỹ nghệ

D. Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản

Câu 13. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự suy thoái tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là do

- A. Khai thác bừa bãi, quá mức
- B. Sự tàn phá của chiến tranh
- C. Nạn cháy rừng
- D. Du canh, du cư

Câu 14. Nạn chặt phá rừng và cháy rừng những năm gần đây diễn ra nhiều nhất ở

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 15. Trong các địa phương dưới đây, nơi có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh cao nhất là

- A. Quảng Bình
- B. Bình Dương
- C. Thái Bình
- D. Vĩnh Phúc

Câu 16. Trong các địa phương dưới đây, nơi có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh cao nhất là

- A. Hưng Yên
- B. Bình Dương
- C. Kon Tum
- D. Vĩnh Phúc

Câu 17. Trong việc sử dụng rừng ngập mặn phía Tây Nam của Đồng bằng sông Cửu Long không nên :

- A. Cải tạo một phần thích hợp thành bãi nuôi tôm
- B. Trồng vú sữa, kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái
- C. Tiếp tục trồng rừng và mở rộng diện tích rừng
- D. Cải tạo để trồng lúa và nuôi tử sản nước ngọt

Câu 18. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 18, vùng nào có diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước ta ?

Đáp án: D

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Bắc Trung Bộ

- C. Duyên hải Nam Trung Bộ
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Hiện thị đáp án

Câu 19. Căn cứ vào biểu đồ Thủy sản (năm 2007) ở Atlas địa lí Việt Nam trang 20, các tỉnh có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông, thủy sản dưới 5% phân bố chủ yếu ở hai vùng?

- A. Đông nam Bộ, Bắc Trung Bộ
- B. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ
- C. Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ
- D. Đồng bằng sông Cửu Long , Tây Nguyên

Câu 20. Căn cứ vào biểu đồ Thủy sản (năm 2007) ở Atlas địa lí Việt Nam trang 20, các tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng (năm 2007) cao tập trung chủ yếu ở hai vùng:

- A. Đồng bằng sông Cửu Long , duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long
- C. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ
- D. Bắc Trung Bộ, Đồng bằng sông Hồng

Câu 21. Căn cứ vào biểu đồ Thủy sản (năm 2007) ở Atlas địa lí Việt Nam trang 20, các tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất nước là

- A. Bình Thuận , Bình Định
- B. Kiên Giang, Cà Mau
- C. Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu
- D. Cà Mau, Bình Thuận

Câu 22. Căn cứ vào biểu đồ Thủy sản (năm 2007) ở Atlas địa lí Việt Nam trang 20, trong giai đoạn 2000-2007, sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta tăng

- A. Khoảng 1,6 lần
- B. Khoảng 2,6 lần
- C. Khoảng 3,6 lần
- D. Khoảng 4,6 lần

Câu 23. căn cứ vào bản đồ lâm nghiệp (năm 2007) ở atlas địa lí Việt nam trang 20, hai tỉnh có giá trị sản xuất lâm nghiệp cao nhất nước ta là

- A. Bắc Giang, Thanh Hóa
- B. Nghệ An , Sơn La
- C. Nghệ An , Lạng Sơn
- D. Thanh Hóa, Phú Thọ

Câu 24. căn cứ vào bản đồ lâm nghiệp (năm 2007) ở atlas địa lí Việt nam trang 20, trong giai đoạn 2000-2007, tổng diện tích rừng nước ta tăng

- A. 1284 nghìn ha
- B. 1428 nghìn ha
- C. 1824 nghìn ha
- D. 12184 nghìn ha

Câu 25. Nghề nuôi cá nước ngọt phát triển mạnh nhất ở

- A. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

Câu 26. Thuận lợi về kinh tế - xã hội đối với ngành thủy sản nước ta là

- A. bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.
- B. vùng biển có nguồn lợi hải sản khá phong phú.
- C. thị trường trong và ngoài nước về thủy sản mở rộng.
- D. có nhiều khu vực thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.

Câu 27. Hai tỉnh chiếm gần một nửa diện tích mặt nước đã sử dụng để nuôi trồng thủy sản ở nước ta là:

- A. Cà Mau, Kiên Giang.
- B. Bạc Liêu, Bến Tre.
- C. Cà Mau, Bạc Liêu.
- D. Bạc Liêu, Sóc Trăng.

Câu 28. Điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là

- A. có nhiều sông ngòi.
- B. có hệ thống đê đập.
- C. có các ao hồ.
- D. hệ thống kênh rạch chằng chịt

Câu 29. Vùng nuôi tôm lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ
- D. Bắc Trung Bộ

Câu 30. Yếu tố nào dưới đây không thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước lợ?

- A. Các bãi triều.

- B. Đầm phá.
- C. Cánh rừng ngập mặn.
- D. Nhiều bãi biển.

Câu 31. Nghề nuôi cá tra, cá basa phát triển nhất ở tỉnh nào?

- A. Bến Tre.
- B. Kiên Giang.
- C. Long An.
- D. An Giang.

Câu 32. Khó khăn về tự nhiên đối với ngành đánh bắt thủy hải sản là

- A. phương tiện đánh bắt còn chậm đổi mới.
- B. hệ thống cảng biển chưa đáp ứng yêu cầu.
- C. vùng biển nhiều thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới,...).
- D. chế biến thủy sản còn nhiều hạn chế.

Câu 33. Biện pháp quan trọng vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản là

- A. hiện đại hoá các phương tiện tăng cường đánh bắt xa bờ.
- B. tăng cường đánh bắt, phát triển nuôi trồng và chế biến.
- C. tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.
- D. đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.

Câu 34. Khó khăn đối với ngành thủy sản ở một số vùng ven biển là

- A. thiếu lực lượng lao động
- B. nguồn lợi thủy sản suy giảm.
- C. không tiêu thụ được sản phẩm.
- D. không có phương tiện đánh bắt

Câu 35. Căn cứ vào Atlas ĐLVN trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng nhỏ hơn khai thác?

- A. Quảng Ninh
- B. Nghệ An
- C. Cà Mau
- D. Bình Thuận

Câu 36. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết, vùng nào có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp ở mức thấp nhất?

- A. Tây Nguyên
- B. Đông Nam Bộ

- C. Bắc Trung Bộ
- D. Đồng bằng sông Hồng

Câu 37. Phát biểu nào không đúng với hoạt động khai thác thủy sản của nước ta hiện nay?

- A. Sản lượng khai thác ngày càng tăng.
- B. Đẩy mạnh phát triển đánh bắt xa bờ.
- C. Nuôi trồng chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu sản xuất.
- D. Khai thác thủy sản nội địa là chủ yếu.

Câu 38. Giải pháp nào dưới đây quan trọng nhất để phát triển đánh bắt xa bờ ở nước ta hiện nay?

- A. Tăng cường tàu thuyền có công suất lớn, trang bị hiện đại.
- B. Mở rộng thị trường xuất khẩu
- C. Ngăn chặn đánh bắt bằng chất nổ, xung điện, lưới mắc nhỏ.
- D. Xây dựng và nâng cấp các cảng biển, nhà máy chế biến.

Câu 39. Vùng có thể mạnh vừa có thể mạnh về chăn nuôi trâu bò, vừa có thể mạnh về đánh bắt thủy sản

- A. Tây Nguyên
- B. Trung du miền núi Bắc Bộ
- C. Đồng bằng sông Cửu Long
- D. Đông Nam Bộ

Câu 40. Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có thế mạnh về

- A. chăn nuôi gia cầm và đánh bắt thủy – hải sản.
- B. chăn nuôi gia súc nhỏ và đánh bắt thủy – hải sản.
- C. chăn nuôi gia súc lớn và đánh bắt thủy – hải sản.
- D. chăn nuôi gia súc nhỏ và gia súc lớn.

Câu 41. Ngư trường trọng điểm nằm ngoài khơi xa của vùng biển nước ta là

- A. Cà Mau – Kiên Giang
- B. Quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa.
- C. Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu.
- D. Hải Phòng – Quảng Ninh

Câu 42. Đặc điểm chủ yếu nào dưới đây thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản?

- B. Dọc bờ biển có bãi triều, đầm phá, cánh rừng ngập mặn.
- C. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.
- D. có nhiều ao hồ, sông ngòi, các ô trũng.
- A. Bờ biển dài và vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng.

Câu 43. Những điều kiện thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước ngọt là

- A. bờ biển dài và vùng biển rộng lớn.
- B. có nhiều ao hồ, sông ngòi, các ô trũng.
- C. dọc bờ biển có bãi triều, đầm phá, vũng vịnh.
- D. có các ngư trường rộng lớn, giàu hải sản.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas ĐLVN trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác?

- A. Nghệ An
- B. Quảng Bình
- C. Bình Định
- D. Bạc Liêu

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết, tỉnh Quảng Bình có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp ở mức là

- A. Dưới 5 %.
- B. Từ 5 – 10%.
- C. Từ trên 10 đến 20%.
- D. Từ trên 20 đến 30%.

Câu 46. Giải thích vì sao năng suất lao động của hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp?

- A. Môi trường biển bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản suy giảm.
- B. Hệ thống các cảng cá chưa đáp ứng được yêu cầu.
- C. Việc chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng thương phẩm còn nhiều hạn chế.
- D. Tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt còn chậm được đổi mới.

Câu 47. Do tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt còn chậm được đổi mới nên đã dẫn đến vấn đề nào dưới đây?

- A. sản lượng đánh bắt nhỏ không đáp ứng được nhu cầu.
- B. thường gây ô nhiễm và làm suy thoái môi trường nghiêm trọng.
- C. năng suất lao động của hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp.
- D. thủy sản nước ta bị khai thác cạn kiệt cả gần và xa bờ.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ĐỊA 12 BÀI 24 : VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	D	Câu 25	B
Câu 2	A	Câu 26	C
Câu 3	B	Câu 27	C
Câu 4	A	Câu 28	B
Câu 5	D	Câu 29	B
Câu 6	C	Câu 30	D
Câu 7	B	Câu 31	D
Câu 8	B	Câu 32	C
Câu 9	D	Câu 33	A
Câu 10	D	Câu 34	B
Câu 11	C	Câu 35	C
Câu 12	D	Câu 36	A
Câu 13	A	Câu 37	D
Câu 14	D	Câu 38	A
Câu 15	A	Câu 39	B
Câu 16	C	Câu 40	C

Câu 17	D	Câu 41	B
Câu 18	D	Câu 42	B
Câu 19	C	Câu 43	B
Câu 20	B	Câu 44	D
Câu 21	C	Câu 45	C
Câu 22	C	Câu 46	D
Câu 23	C	Câu 47	C
Câu 24	C		

